

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và nghĩa vụ thanh toán nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thủy

Ông Nguyễn Cao Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nghĩa vụ thanh toán nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 29/QĐ-CA ngày 24/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bé Thị C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C; địa chỉ: số 169, phố L, phường H, quận M, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Nguyên N- Phó Giám đốc phòng giao dịch L (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019), có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bé Thị C trình bày: Tôi lấy anh Vi Văn N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn năm 2011. Sau khi cưới chúng tôi chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn vì anh Vi Văn N ham chơi, suốt ngày rệu chè, đi chơi quanh làng, không chịu làm gì cả. Anh Vi Văn N vệ sinh cá nhân rất bẩn, tôi khuyên can nhiều lần nhưng không được. Bản thân tôi và gia đình hai bên đã giúp đỡ hàn gắn nhưng do hai chúng tôi không còn tình cảm vợ chồng với nhau, không còn sự yêu thương nhau nên quan hệ vợ chồng không hề được cải thiện. Nay tôi đi làm ăn xa, không còn tình cảm gì với anh Vi Văn N, tôi yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn N.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Vi Đức H, sinh ngày 14/2/2013, khi ly hôn tôi muốn được nuôi con, tôi không yêu cầu anh Vi Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi có vay nợ ngân hàng C 50.000.000 đồng, chúng tôi vay về để trồng rừng, chăn nuôi, xây dựng chuồng trại. Khi ly hôn tôi yêu cầu số nợ trên chia đôi, tôi và anh Vi Văn N mỗi người trả một nửa, tôi trả 25.000.000 đồng, anh Vi Văn N trả 25.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2019 và tại buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Vi Văn N nhất trí với lời trình bày của chị Bé Thị C về thời gian, điều kiện kết hôn và việc đăng ký kết hôn. Anh cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như chị Bé Thị C trình bày. Nay chị Bé Thị C đi làm ăn xa và có đơn xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn, anh muốn gia đình đoàn tụ vì thương con, muốn con có bố mẹ.

Về con chung: Anh Vi Văn N cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là cháu Vi Đức H, sinh ngày 14/2/2013, anh không yêu cầu chị Bé Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh có vay nợ ngân hàng C 50.000.000 đồng, khi ly hôn anh cũng nhất trí số nợ trên chia đôi, mỗi người trả một nửa, anh trả 25.000.000 đồng, chị Bé Thị C trả 25.000.000 đồng.

Tại bản khai, buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Ngân hàng C trình bày: Theo sổ vay vốn số 2200013219, mã món vay là 6600000708948418 ngày 15/12/2016, chị Bé Thị C và anh Vi Văn N có vay ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng. hạn trả nợ là năm 2021. Hiện nay anh chị vẫn nợ ngân hàng tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký. Khi anh Vi Văn N và chị Bé Thị C ly hôn Ngân hàng có ý kiến đề nghị anh chị trả cho ngân hàng số tiền theo phân kỳ đến hạn là 20.000.000 đồng trước, số nợ còn lại 30.000.000 đồng tiền gốc thì trả theo hợp đồng đã ký. Về thời hạn trả nợ cụ thể như sau: Đối với 20.000.000 đồng tiền gốc đã đến hạn trả thì chị Bé Thị C đến hết tháng 7/2019 phải trả cho ngân hàng 10.000.000 đồng; Anh Vi Văn N đến hết tháng 8/2019 có trách nhiệm trả cho ngân hàng 10.000.000 đồng. Còn

30.000.000 đồng tiền gốc chưa đến hạn thì anh Vi Văn N có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng, chị Bé Thị C có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký. Hàng tháng anh Vi Văn N và chị Bé Thị C có trách nhiệm trả lãi của số nợ còn lại cho ngân hàng đúng hạn theo hợp đồng đã ký với ngân hàng.

Ngày 08/5/2019, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hòa giải Chị Bé Thị C, anh Vi Văn N và Ngân hàng C đã thỏa thuận: Đối với khoản nợ 50.000.000 đồng mà anh Vi Văn N và chị Bé Thị C đã vay ngân hàng thì anh Vi Văn N và chị Bé Thị C mỗi người có trách nhiệm trả một nửa là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh. Về thời hạn trả nợ cụ thể như sau: Đối với 20.000.000 đồng tiền gốc đã đến hạn trả thì chị Bé Thị C đến hết tháng 7/2019 phải trả cho ngân hàng 10.000.000 đồng; Anh Vi Văn N đến hết tháng 8/2019 có trách nhiệm trả cho ngân hàng 10.000.000 đồng. Còn 30.000.000 đồng tiền gốc chưa đến hạn thì anh Vi Văn N có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng, chị Bé Thị C có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký. Hàng tháng anh Vi Văn N và chị Bé Thị C có trách nhiệm trả lãi của số nợ còn lại cho ngân hàng đúng hạn theo hợp đồng đã ký với ngân hàng. Các vấn đề khác thì chị Bé Thị C và anh Vi Văn N không thỏa thuận được nên buổi hòa giải không thành.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm túc quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Bé Thị C được ly hôn với anh Vi Văn N. Về con chung: Giao cháu Vi Đức H sinh ngày 14/2/2013 cho chị Bé Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Vi Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Bé Thị C không yêu cầu, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị Bé Thị C, anh Vi Văn N và Ngân hàng C đối với khoản nợ 50.000.000 đồng mà anh Vi Văn N và chị Bé Thị C đã vay ngân hàng: cụ thể đến ngày 30/7/2019, chị Bé Thị C phải trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc đã đến hạn thanh toán, còn 15.000.000 đồng nợ gốc chưa đến hạn thanh toán thì trả gốc và lãi theo sổ vay vốn đã ký số 2200013219, mã món vay là 6600000708948418 ngày 15/12/2016. Đến ngày 30/8/2019 anh Vi Văn N phải trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc đã đến hạn thanh toán còn 15.000.000 đồng nợ gốc chưa đến hạn thanh toán thì trả gốc và lãi theo sổ vay vốn đã ký số 2200013219, mã món vay là 6600000708948418 ngày 15/12/2016. Hàng tháng anh Vi Văn N và chị Bé Thị C có trách nhiệm trả lãi của số nợ còn lại cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký với ngân hàng.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bé Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Bé Thị C xin ly hôn với anh Vi Văn N, có nơi cư trú tại thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bé Thị C và anh Vi Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27/6/2011, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi cưới anh chị sống chung hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn vì anh Vi Văn N ham chơi, không chăm chỉ lao động, thường xuyên uống rượu say. Chị Bé Thị C khuyên can nhiều lần nhưng không được. Giữa hai vợ chồng đã xảy ra cãi vã nhiều lần, họ hàng hai bên gia đình đã giúp đỡ hàn gắn nhưng do anh Vi Văn N không thay đổi, nên quan hệ vợ chồng không hề được cải thiện, chị Bé Thị C đã đi Bắc Ninh làm ăn từ giữa năm 2018 đến nay, giữa hai vợ chồng không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, xét thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bé Thị C.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Vi Đức H, sinh ngày 14/2/2013. Hội đồng xét xử thấy cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh Vi Văn N làm ruộng, thỉnh thoảng đi làm công trong làng, thu nhập khoảng 1.000.000 đồng/ tháng, ngoài ra không có thu nhập gì khác. Anh Vi Văn N khai nếu được nuôi con thì anh sẽ nhờ ông bà nội và chị gái sống cùng làng chăm sóc con khi anh đi làm ăn xa nhà. Chị Bé Thị C có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng /tháng từ việc kinh doanh quán ăn, chị có điều kiện chăm sóc, dạy dỗ con hàng ngày, thu nhập cao, ổn định hơn anh Vi Văn N, do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất để nuôi dưỡng, giáo dục con chung cũng như đáp ứng nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu Vi Đức H. Cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị Bé Thị C. Anh Vi Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Bé Thị C không yêu cầu. Anh Vi Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

[5] Tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị Bé Thị C, anh Vi Văn N và Ngân hàng C đối với khoản nợ 50.000.000 đồng mà anh Vi Văn N và chị Bé Thị C đã vay Ngân hàng cụ thể: Đến ngày 30/7/2019, chị Bé Thị C phải trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc đã đến hạn thanh toán, còn 15.000.000 đồng nợ gốc chưa đến hạn thanh toán thì trả gốc và lãi theo sổ vay vốn đã ký số 2200013219, mã món vay là 6600000708948418 ngày 15/12/2016. Đến ngày 30/8/2019 anh Vi Văn N phải trả cho ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc đã

đến hạn thanh toán còn 15.000.000 đồng nợ gốc chưa đến hạn thanh toán thì trả gốc và lãi theo sổ vay vốn đã ký số 2200013219, mã món vay là 6600000708948418 ngày 15/12/2016. Hàng tháng anh Vi Văn N và chị Bé Thị C có trách nhiệm trả lãi của số nợ còn lại cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện và hợp pháp cần công nhận sự thỏa thuận này

[7] Về án phí: Chị Bé Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bé Thị C được ly hôn với anh Vi Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Đức H sinh ngày 14/2/2013 cho chị Bé Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vi Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Bé Thị C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Vi Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bé Thị C, anh Vi Văn N và Ngân hàng C, cụ thể: Đến ngày 30/7/2019, chị Bé Thị C phải trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc đã đến hạn thanh toán, còn 15.000.000 đồng nợ gốc chưa đến hạn thanh toán thì trả gốc và lãi theo sổ vay vốn đã ký số 2200013219, mã món vay là 6600000708948418 ngày 15/12/2016. Đến ngày 30/8/2019 anh Vi Văn N phải trả cho ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc đã đến hạn thanh toán còn 15.000.000 đồng nợ gốc chưa đến hạn thanh toán thì trả gốc và lãi theo sổ vay vốn đã ký số 2200013219, mã món vay là 6600000708948418 ngày 15/12/2016. Hàng tháng anh Vi Văn N và chị Bé Thị C có trách nhiệm trả lãi của số nợ còn lại cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký với ngân hàng

5. Về án phí: Chị Bé Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bé Thị C đã nộp theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/5580 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Bé Thị C đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Chị Bé Thị C, anh Vi Văn N và Ngân hàng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.
- Luu: VT; HS; THS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Kim Thịnh

